DOI: 10.31276/CSQL.2026.3961

Bảo đảm an toàn pháp lý của hợp đồng điện tử trong chuỗi cung ứng nông sản của hợp tác xã: Thực tiễn và giải pháp

Nguyễn Trí Cường*

Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh,
669 Đỗ Mười, khu phố 13, phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận bài 21/4/2026; ngày chuyển phản biện 22/4/2026;
ngày nhận phản biện 18/5/2026; ngày chấp nhận đăng 25/5/2026

Tóm tắt:

Trong bối cảnh chuyển đổi số nông nghiệp, hợp đồng điện tử đóng vai trò là nền tảng pháp lý đảm bảo sự vận hành của chuỗi cung ứng nông sản khi nông sản được đưa ra thị trường. Bài báo tập trung phân tích các yêu cầu nhằm đảm bảo an toàn pháp lý của hợp đồng điện tử trong hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp dựa trên quy định pháp luật trọng tâm là Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghiên cứu làm rõ sự hoàn thiện của hành lang pháp lý về giá trị của thông điệp dữ liệu và chữ ký điện tử, nhận diện những rào cản thực tế khiến hiệu lực hợp đồng điện tử tại các hợp tác xã còn hạn chế bao gồm năng lực công nghệ, nhận thức về pháp luật, độ tin cậy của chứng cứ và niềm tin giữa các bên giao kết hợp đồng, trên cơ sở đó, bài báo đề xuất các giải pháp mang tính hệ thống nhằm kiến tạo hạ tầng tin cậy pháp lý - kỹ thuật để hợp đồng điện tử trở thành công cụ bảo vệ quyền lợi thực chất cho các hợp tác xã nông nghiệp trong liên kết tiêu thụ nông sản bền vững.

Từ khóa: **chuỗi cung ứng nông sản, giá trị pháp lý, hợp đồng điện tử, hợp tác xã, truy xuất nguồn gốc.**

Ensuring the legal security of electronic contracts in the agricultural product supply chain of cooperatives - Practices and solutions

Tri Cuong Nguyen*

University of Economics and Law, Vietnam National University Ho Chi Minh City,
669 Do Muoi Street, Quarter 13, Linh Xuan Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Received 21 April 2026; revised 18 May 2026; accepted 25 May 2026

Abstract:

In the context of agricultural digital transformation, electronic contracts serve as a legal foundation for ensuring the operation of agricultural supply chains when products enter the market. This article focuses on analysing the requirements

*Email: cuongnt@uel.edu.vn

for safeguarding the legal security of electronic contracts in the activities of agricultural cooperatives, with a concentration on the 2023 Law on Electronic Transactions and the 2015 Civil Code of Vietnam. The study clarifies the development of the legal framework governing the validity of data messages and electronic signatures, while identifying practical barriers that continue to limit the enforceability of electronic contracts within agricultural cooperatives, especially in terms of technological capacity, legal awareness, evidentiary reliability, and trust between contracting parties. On that basis, the article proposes systemic solutions to foster a reliable legal and technical infrastructure to enable electronic contracts to become an effective legal instrument for protecting the legitimate rights and interests of agricultural cooperatives in sustainable agricultural product consumption linkages, for the consumption of agricultural products.

Keywords: **agricultural supply chain, cooperatives, electronic contracts, legal value, traceability.**

1. Đặt vấn đề

Chuỗi cung ứng nông sản đang chuyển nhanh từ giao dịch truyền thống sang giao dịch trên môi trường số. Đối với hợp tác xã nông nghiệp, việc ứng dụng hợp đồng điện tử không còn là giải pháp hỗ trợ, mà trở thành điều kiện quan trọng để mở rộng thị trường, giảm chi phí giao dịch và nâng cao tính minh bạch trong tổ chức thực hiện hợp đồng. Tuy vậy, nhiều hợp tác xã còn dè dặt khi giao kết hợp đồng điện tử do lo ngại về tính hợp pháp của giao dịch, tính toàn vẹn của thông điệp dữ liệu và rủi ro vi phạm hoặc phá vỡ cam kết khi thị trường biến động. Từ đó, bài báo tập trung làm rõ quy định pháp luật hiện hành, nhận diện các rủi ro pháp lý nổi bật trong thực tiễn áp dụng tại hợp tác xã và đề xuất giải pháp hoàn thiện, nhằm đảm bảo giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử trong chuỗi cung ứng nông sản. Vì vấn đề của hợp đồng điện tử trong chuỗi cung ứng nông sản hiện nay không còn nằm chủ yếu ở sự thừa nhận hình thức pháp lý, mà nằm ở việc bảo đảm giao dịch số thành chứng cứ đủ tin cậy và bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của hợp tác xã.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích quy phạm pháp luật đối với Bộ luật Dân sự 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật Giao dịch điện tử 2023, Luật Hợp tác xã 2023, Nghị định số 23/2025/NĐ-CP về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy và các văn bản liên quan; kết hợp phương pháp đối chiếu - so sánh với một số khuôn khổ quốc tế,

tập trung vào ba tiêu chí chính: (i) cách thức ghi nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu và chữ ký điện tử; (ii) mức độ phân tầng xác thực điện tử theo rủi ro giao dịch; và (iii) cơ chế bảo vệ bên yếu thế trong hợp đồng gia nhập trên nền tảng số, đồng thời tổng hợp tài liệu từ cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức đại diện khu vực hợp tác xã và báo chí chuyên đề để nhận diện các rủi ro phát sinh trong thực tiễn giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử của hợp tác xã nông nghiệp.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Quy định pháp luật về hình thức, hiệu lực và giá trị chứng cứ của hợp đồng điện tử

Giá trị hình thức của thông điệp dữ liệu: Một trong những nền tảng pháp lý quan trọng nhất đối với hợp đồng điện tử là nguyên tắc tương đương về giá trị pháp lý giữa thông điệp dữ liệu và văn bản truyền thống. Nguyên tắc này được ghi nhận nhất quán trong pháp luật dân sự và pháp luật chuyên ngành về giao dịch điện tử. Bộ luật Dân sự 2015 thừa nhận giao dịch dân sự có thể được xác lập bằng phương tiện điện tử dưới dạng thông điệp dữ liệu và được coi là một hình thức của giao dịch bằng văn bản khi đáp ứng điều kiện luật định [1]. Trên cơ sở đó, Luật Giao dịch điện tử 2023 tiếp tục khẳng định thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu về hình thức văn bản nếu thông tin trong đó có thể truy cập và sử dụng để tham chiếu khi cần thiết [2].

Như vậy, pháp luật không phân biệt hình thức thể hiện của giao dịch, mà đặt trọng tâm vào khả năng thực hiện các chức năng pháp lý của văn bản như lưu trữ, truy xuất, đối chiếu và chứng minh. Nhờ đó, hợp đồng điện tử được đặt trong cùng một nền tảng pháp lý với hợp đồng truyền thống, tạo điều kiện cho việc giao kết và thực hiện giao dịch trên môi trường số. Tuy nhiên, sự tương đương về hình thức không đồng nghĩa với sự đảm bảo đương nhiên về hiệu lực và khả năng thực thi. Hợp đồng điện tử vẫn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, bao gồm năng lực chủ thể, ý chí tự nguyện, mục đích và nội dung hợp pháp [1]. Điều này cho thấy nguyên tắc tương đương chỉ là điều kiện cần, nhưng chưa đủ để đảm bảo an toàn pháp lý của hợp đồng trong thực tiễn.

Giá trị pháp lý của chữ ký điện tử và vấn đề đại diện: Trong môi trường điện tử, chữ ký điện tử đóng vai trò là cơ chế pháp lý thay thế chữ ký tay, đồng thời là căn cứ để xác định chủ thể và sự chấp thuận đối với nội dung giao dịch. Theo Luật Giao dịch điện tử 2023, chữ ký điện tử được hiểu là dữ liệu điện tử gắn với thông điệp dữ liệu nhằm xác nhận chủ thể ký và thể hiện sự chấp thuận của chủ thể đó đối với nội dung thông điệp [2]. Luật đồng thời thiết lập một cơ chế chỉ những chữ ký điện tử đáp ứng điều kiện về đảm bảo an toàn (điển hình là chữ ký số) mới có giá trị pháp lý tương đương chữ ký tay trong văn bản giấy [2]. Nghị định số 23/2025/NĐ-CP về chữ ký điện tử và dịch vụ

tin cậy (có hiệu lực từ 10/4/2025) cụ thể hóa các điều kiện kỹ thuật và pháp lý để chữ ký điện tử đạt mức đảm bảo an toàn, bao gồm yêu cầu về chứng thư điện tử, dịch vụ chứng thực chữ ký số và dấu thời gian điện tử vì đây là các yếu tố cốt lõi quyết định giá trị chứng cứ của hợp đồng điện tử trong tố tụng [3]. Đối với hợp tác xã, với tư cách là pháp nhân, chữ ký điện tử không đơn thuần là thao tác kỹ thuật hoàn tất giao dịch, mà là biểu hiện ý chí pháp lý của tổ chức thông qua người đại diện hợp pháp. Luật Hợp tác xã 2023 quy định hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm; người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã thực hiện quyền đại diện trong phạm vi điều lệ và nghị quyết của Đại hội thành viên [4]. Do đó, thẩm quyền ký kết hợp đồng điện tử của hợp tác xã không chỉ được đánh giá theo lý luận chung về pháp nhân trong Bộ luật Dân sự, mà phải xem xét trong khuôn khổ quản lý đặc thù của hợp tác xã là ai được ủy quyền ký, phạm vi ủy quyền có phù hợp với điều lệ và nghị quyết hay không. Do đó, giá trị ràng buộc của hợp đồng điện tử không chỉ phụ thuộc vào việc có tồn tại chữ ký điện tử, mà còn phụ thuộc vào các yếu tố như: người ký có đúng thẩm quyền đại diện hay không, chứng thư điện tử có còn hiệu lực hay không và chữ ký có được sử dụng trong phạm vi đại diện hợp pháp hay không. Nếu chữ ký điện tử được sử dụng bởi người không có thẩm quyền hoặc được thiết lập trong điều kiện không đảm bảo kiểm soát thì hợp đồng có thể bị tranh chấp về hiệu lực hoặc không làm phát sinh trách nhiệm đối với pháp nhân. Như vậy, chữ ký điện tử không chỉ là vấn đề công nghệ mà là vấn đề cốt lõi về ý chí và đại diện theo pháp luật dân sự khi được chuyển dịch sang môi trường số.

Giá trị chứng cứ của dữ liệu điện tử trong tranh chấp hợp đồng: Theo quy định của Luật Giao dịch điện tử 2023, một thông điệp dữ liệu có thể được xem là có giá trị như bản gốc nếu đảm bảo tính toàn vẹn kể từ thời điểm được khởi tạo lần đầu dưới dạng hoàn chỉnh và có thể truy cập, sử dụng được khi cần thiết [2]. Đồng thời, giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu khi được sử dụng trong tố tụng phải được đánh giá dựa trên các tiêu chí như: độ tin cậy của phương thức khởi tạo, gửi, nhận và lưu trữ; cách thức đảm bảo tính toàn vẹn; và khả năng xác định chủ thể có liên quan đến thông điệp dữ liệu đó [2].

Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đã thừa nhận dữ liệu điện tử là một nguồn chứng cứ hợp pháp, nhưng đồng thời đặt ra yêu cầu về nghĩa vụ chứng minh và đánh giá chứng cứ trên cơ sở tính xác thực và hợp pháp của dữ liệu [5]. Điều này cho thấy, trong môi trường số, giá trị chứng cứ không tự phát sinh từ sự tồn tại của dữ liệu mà phụ thuộc vào khả năng kiểm soát, đảm bảo và chứng minh độ tin cậy của dữ liệu đó.

Đối với hợp tác xã nông nghiệp, việc giao kết hợp đồng điện tử chỉ là bước khởi đầu, để bảo vệ quyền lợi của mình, hợp tác xã còn phải tổ chức được hệ thống lưu trữ, truy xuất và đối chiếu dữ liệu một cách bài bản. Nếu không đảm bảo được tính toàn vẹn của dữ liệu hoặc không chứng minh được mối liên hệ giữa dữ liệu hợp đồng và quá trình thực hiện nghĩa vụ thì hợp đồng điện tử, dù hợp lệ về hình thức vẫn có thể mất giá trị chứng minh trong tranh chấp.

3.2. Thực trạng và rủi ro pháp lý khi xác lập hợp đồng điện tử tại các hợp tác xã nông nghiệp

Khó khăn lớn nhất hiện nay là nhiều hợp tác xã chưa có đủ điều kiện kỹ thuật và dữ liệu để biến giao dịch điện tử thành chứng cứ pháp lý đủ mạnh khi tranh chấp phát sinh. Luật Giao dịch điện tử năm 2023 quy định giá trị chứng cứ của thông điệp dữ liệu được xác định theo độ tin cậy của cách thức khởi tạo, gửi, nhận, lưu trữ, đảm bảo tính toàn vẹn và xác định chủ thể liên quan; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cũng chỉ thừa nhận dữ liệu điện tử như một nguồn chứng cứ chứ không mặc nhiên suy đoán dữ liệu đó là đáng tin cậy [2, 5]. Vì vậy, trong bối cảnh nhiều giao dịch của hợp tác xã vẫn dừng ở mức "mật khẩu dùng một lần - OTP", tài khoản đăng nhập hoặc thao tác bấm chấp nhận, điểm yếu không nằm ở "có giao dịch điện tử", mà nằm ở chỗ khó chứng minh chính xác ai là người giao kết, giao kết vào thời điểm nào và dữ liệu có bị thay đổi hay không. Kết quả số liệu khảo sát của dự án Youcool thực hiện năm 2025 cho thấy, chỉ 13,6% hợp tác xã hoàn thành chuyển đổi số, còn 36,4% vẫn chưa bắt đầu. Năm 2026, chưa đến 3.000 trong khoảng 23.000 hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng phần mềm và công nghệ số [6, 7].

Rủi ro do bị áp đặt các điều khoản bất lợi từ phía nhà cung cấp nền tảng: Về mặt pháp lý, Bộ luật Dân sự năm 2015 đã dự liệu cơ chế kiểm soát hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung, kể cả khả năng vô hiệu đối với điều khoản miễn trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền lợi chính đáng của bên còn lại [1]. Tuy nhiên, trong thực tế giao dịch điện tử, hợp tác xã thường không ở vị thế thương lượng mà ở vị thế gia nhập bộ quy tắc do nền tảng thiết lập sẵn. Với các nền tảng lớn, bên vận hành không chỉ soạn điều khoản mà còn kiểm soát giao diện giao dịch, dữ liệu vận hành và cơ chế xử lý vi phạm nội bộ [8].

Rủi ro thiếu đồng bộ giữa thỏa thuận số và chứng cứ điện tử, nhật ký giao dịch: Trong chuỗi cung ứng nông sản, điểm yếu của hợp đồng điện tử là không được gắn chặt với dữ liệu truy xuất nguồn gốc, nhật ký canh tác, kiểm định và giao nhận, trong khi chính các lớp dữ liệu đó mới quyết định khả năng chứng minh đối tượng và chất lượng lô hàng khi tranh chấp xảy ra. Thực tiễn cho thấy Nhà nước đã vận hành Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia từ ngày 1/10/2024 và đã có hơn 4.000 doanh

nghiệp tham gia kết nối, Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2026 nhấn mạnh rằng truy xuất nguồn gốc đang chuyển từ công cụ hỗ trợ sang yêu cầu bắt buộc, đặc biệt với hàng hóa tham gia chuỗi giá trị và xuất khẩu [9, 10]. Việc cơ quan quản lý vẫn phải nhấn mạnh yêu cầu xây dựng hệ thống truy xuất đồng bộ, liên thông trên nền tảng số cho thấy giữa hợp đồng điện tử và hồ sơ dữ liệu của lô hàng vẫn còn một khoảng trống vận hành đáng kể ở cấp cơ sở [7]. Hậu quả là hợp đồng có thể hợp lệ về hình thức, nhưng khi phát sinh hành vi vi phạm hợp đồng hoặc tranh chấp về chất lượng, hợp đồng có khả năng bị chứng minh thiếu tin cậy vì các dữ liệu cần thiết chưa đứng chung trong một cấu trúc chứng cứ thống nhất.

Trên thực tế, tình trạng "hủy hợp đồng" trong liên kết tiêu thụ nông sản không phải hiện tượng cá biệt; báo chí đã phản ánh đây là khó khăn thường xuyên không chỉ trong ngành lúa gạo mà còn ở cà phê, hồ tiêu, cây ăn trái và thủy sản [11]. Khi giá trị từng giao dịch không quá lớn nhưng chi phí thu thập chứng cứ điện tử, theo đuổi tố tụng và thi hành quyền lại cao, bên bị vi phạm thường không lựa chọn khởi kiện đến cùng. Trong điều kiện đó, hợp đồng điện tử chỉ giúp giao dịch nhanh hơn, chứ chưa đảm bảo cho quyền của hợp tác xã được bảo vệ hiệu quả hơn. Tình trạng vi phạm hợp đồng phổ biến nhưng chi phí để khởi kiện bằng chứng cứ điện tử thường lớn hơn giá trị thu hồi được, làm giảm hiệu quả bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hợp tác xã.

Từ các phân tích trên cho thấy, vấn đề của hợp đồng điện tử trong chuỗi cung ứng nông sản hiện nay không còn nằm chủ yếu ở sự thiếu quy định pháp luật mà ở khoảng cách giữa sự công nhận pháp lý về hình thức và khả năng đảm bảo an toàn pháp lý để thực thi. Pháp luật đã thừa nhận thông điệp dữ liệu, chữ ký điện tử và dữ liệu điện tử như nguồn chứng cứ, nhưng khu vực hợp tác xã lại chưa có đủ điều kiện kỹ thuật và tổ chức để chuyển hóa các yếu tố này thành công cụ chứng minh đáng tin cậy khi tranh chấp phát sinh. Đồng thời, bất cân xứng trong hợp đồng nền tảng, sự thiếu liên thông dữ liệu truy xuất và chi phí cưỡng chế cao tiếp tục làm suy giảm hiệu lực thực tế của hợp đồng. Hệ quả là hợp đồng điện tử mới chỉ giúp giao dịch diễn ra nhanh hơn, chứ chưa đảm bảo tương xứng khả năng bảo vệ quyền lợi của hợp tác xã. Do đó, yêu cầu đặt ra không phải là tiếp tục mở rộng sự công nhận pháp lý, mà là hoàn thiện các điều kiện đảm bảo thực thi. Trên cơ sở đó, cần chuyển trọng tâm sang kiến tạo hạ tầng tin cậy pháp lý, kỹ thuật cho giao dịch số trong chuỗi cung ứng nông sản.

4. Giải pháp hoàn thiện giá trị pháp lý của hợp đồng điện tử

Để hợp đồng điện tử thực sự trở thành công cụ bảo vệ quyền lợi của hợp tác xã trong chuỗi cung ứng nông sản, việc hoàn thiện pháp luật cần công nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, hướng tới xây dựng một hạ tầng pháp lý - kỹ thuật tin cậy cho giao dịch số.

Thứ nhất, hoàn thiện quy định phân tầng mức độ tin cậy của phương thức xác thực. Cần thiết lập cơ chế phân tầng xác thực điện tử theo mức độ rủi ro của giao dịch. Với các giao dịch nhỏ, rủi ro thấp, có thể tiếp tục sử dụng các phương thức xác thực đơn giản; nhưng với các hợp đồng có giá trị lớn, gắn trực tiếp với giao nhận, thanh toán và truy xuất trong chuỗi cung ứng nên bắt buộc hoặc mặc định áp dụng chữ ký số hoặc chữ ký điện tử đảm bảo an toàn. Kinh nghiệm của Liên minh châu Âu với Quy định về định danh điện tử và dịch vụ tin cậy cho các giao dịch điện tử trong thị trường chung châu Âu (eIDAS) minh chứng trực tiếp cho tính khả thi của giải pháp này, khi phân chia thành ba cấp độ xác thực (thông thường, nâng cao và đủ tiêu chuẩn) gắn liền với mức độ rủi ro giao dịch, các hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại quan trọng bắt buộc phải sử dụng xác thực cấp cao hơn, qua đó hạn chế đáng kể tranh chấp về tính xác thực và nâng cao khả năng chứng minh trong tố tụng [12]. Áp dụng tương tự vào bối cảnh Việt Nam, giải pháp phân tầng nêu trên có nghĩa là hợp đồng nông sản giá trị lớn trong chuỗi cung ứng cần áp dụng bắt buộc chữ ký số đủ tiêu chuẩn, còn giao dịch nhỏ lẻ có thể dùng xác thực đơn giản hơn [12]. Trong điều kiện khu vực hợp tác xã còn chuyển đổi số chậm, giải pháp này chỉ khả thi khi đi kèm các nền tảng ký số dùng chung, chi phí thấp và dễ tiếp cận cho hợp tác xã [6, 7].

Thứ hai, bổ sung cơ chế minh bạch trước đối với điều kiện giao dịch chung trên nền tảng số. Tăng cường bảo vệ chủ thể yếu thế trong giao kết hợp đồng trên nền tảng số theo hướng không chỉ hậu kiểm điều khoản bất lợi, mà còn buộc nền tảng phải minh bạch trước về điều kiện giao dịch. Trong môi trường số, hợp tác xã thường không có khả năng thương lượng thực chất mà chủ yếu gia nhập các điều khoản do nền tảng thiết lập sẵn. Vì vậy, việc yêu cầu công khai rõ ràng các điều khoản giới hạn trách nhiệm, tiêu chí xác định vi phạm, căn cứ đình chỉ hoặc chấm dứt dịch vụ là cần thiết để giảm bất cân xứng hợp đồng. Hình thức công khai cần được pháp luật xác định cụ thể như đăng tải công khai tại vị trí dễ tiếp cận trên giao diện nền tảng trước khi giao kết, không được ẩn trong các liên kết phụ, yêu cầu hành động xác nhận chủ động đối với các điều khoản cốt lõi về giới hạn trách nhiệm và xử lý vi phạm, thay vì mặc định đồng ý và thông báo trước bằng thông điệp dữ liệu khi có sửa đổi điều kiện giao dịch, với thời hạn tối thiểu đủ để hợp tác xã xem xét và quyết định tiếp tục hoặc chấm dứt tham gia nền tảng.

Thứ ba, xây dựng mô hình "hồ sơ số của giao dịch" tích hợp hợp đồng, truy xuất, giao nhận, thanh toán. Cần chuyển từ tư duy "hợp đồng điện tử độc lập" sang tư duy "hồ sơ số của giao dịch". Trong chuỗi cung ứng nông sản, tranh chấp không chỉ xoay quanh việc có hay không có hợp đồng mà còn liên quan đến khả năng chứng minh lô hàng, chất lượng, vùng trồng, quy trình sản xuất, giao nhận và thanh toán. Do đó, hợp đồng điện tử chỉ có giá trị thực thi vững chắc khi được tích hợp với dữ liệu truy xuất nguồn gốc và dữ liệu thực hiện nghĩa vụ trong một cấu trúc thống nhất. "Hồ sơ số của giao dịch" được hiểu là tập hợp thông điệp dữ liệu liên kết với nhau, bao gồm hợp đồng điện tử, biên bản giao nhận số, chứng từ kiểm định chất lượng, dữ liệu truy

xuất nguồn gốc và xác nhận thanh toán, được lưu trữ toàn vẹn từ thời điểm phát sinh đến khi kết thúc nghĩa vụ [2]. Mỗi thành phần trong hồ sơ phải có dấu thời gian điện tử đáp ứng Nghị định số 23/2025/NĐ-CP và có thể xác minh độc lập dữ liệu không bị thay đổi sau khi phát sinh. Khi hồ sơ số đáp ứng các tiêu chuẩn trên, toàn bộ hồ sơ được coi là chứng cứ điện tử đồng nhất theo Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, thay vì phải chứng minh riêng lẻ từng thành phần. Pháp luật cần quy định nghĩa vụ lưu trữ hồ sơ số tối thiểu năm năm kể từ khi thực hiện xong hợp đồng và đảm bảo hợp tác xã có quyền yêu cầu nền tảng xuất toàn bộ dữ liệu giao dịch dưới định dạng có thể đọc độc lập bất cứ lúc nào. Định hướng này phù hợp với thực tiễn Việt Nam khi Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc quốc gia đã được vận hành từ ngày 1/10/2024 và cơ quan quản lý tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu xây dựng hệ thống truy xuất đồng bộ, liên thông trên nền tảng số [9, 10].

Thứ tư, khuyến khích áp dụng mẫu hợp đồng điện tử có điều khoản chia sẻ rủi ro giá cả trong nông sản, thông qua hai cơ chế song song: (i) về mặt pháp luật, bổ sung quy định trong Nghị định hướng dẫn Luật Hợp tác xã về liên kết tiêu thụ nông sản, cho phép và khuyến nghị ghi nhận điều khoản biên độ điều chỉnh giá hoặc chia sẻ chênh lệch vào hợp đồng điện tử giữa hợp tác xã và doanh nghiệp thu mua; (ii) về mặt tự quản ngành, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các hiệp hội ngành hàng (lúa gạo, cà phê, hồ tiêu, thủy sản) ban hành bộ quy tắc ứng xử và mẫu hợp đồng điện tử chuẩn tích hợp điều khoản chia sẻ rủi ro, đồng thời tổ chức tập huấn để hợp tác xã hiểu và áp dụng. Về thiết kế hợp đồng, cần hạn chế mô hình giá cố định cứng nhắc trong các giao dịch nông sản có độ biến động cao. Thực tiễn liên kết tiêu thụ cho thấy tình trạng đơn phương không thực hiện hoặc vi phạm cam kết vẫn xảy ra khi giá thị trường thay đổi mạnh, làm suy giảm hiệu lực thực tế của hợp đồng. Vì vậy, hợp đồng điện tử nên được thiết kế theo hướng linh hoạt hơn, như quy định biên độ điều chỉnh giá, cơ chế chia sẻ chênh lệch hoặc tham chiếu giá thị trường tại thời điểm giao hàng. Đây không phải là làm suy yếu tính ràng buộc của hợp đồng, mà là cách giảm động cơ vi phạm và tăng khả năng duy trì liên kết bền vững trong chuỗi cung ứng.

5. Kết luận

Từ phân tích trên, có thể khẳng định rằng hợp đồng điện tử trong chuỗi cung ứng nông sản của hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay đang ở trạng thái hợp pháp về hình thức nhưng chưa an toàn đầy đủ về chứng cứ và thực thi. Cơ sở pháp lý cho giao dịch điện tử nhìn chung đã được thiết lập, nhưng khoảng trống vẫn nằm ở khả năng xác thực đúng chủ thể, kiểm soát bất cân xứng trong hợp đồng nền tảng, liên thông dữ liệu truy xuất và giảm chi phí cưỡng chế quyền khi tranh chấp phát sinh. Vì vậy, yêu cầu hoàn thiện pháp luật trong giai đoạn tới không nên dừng ở việc bổ sung thêm quy định công nhận, mà phải hướng tới phát triển một hệ sinh thái hạ tầng, pháp lý và kỹ thuật đồng bộ, để hợp đồng điện tử trở thành công cụ pháp lý có năng lực bảo vệ thực chất cho hợp tác xã trong nền kinh tế số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam (2015a), *Civil Code (Arts. 117, 119)*, https://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=18147, accessed 1 April 2026 (in Vietnamese).

[2] National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam (2023a), *Law on Electronic Transactions* (Art. 3(4), Art. 4(1), *Arts. 8, 9, 10, 11, 23, 25)*, https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2026/3/36-vbhn-vpqh.pdf, accessed 1 April 2026 (in Vietnamese).

[3] Government of the Socialist Republic of Viet Nam (2025), *Decree No. 23/2025/ND-CP Dated February 21, 2025 on Electronic Signatures and Trust Services*, https://vanban.chinhphu.vn/?docid=212829&pageid=27160, accessed 1 April 2026 (in Vietnamese).

[4] National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam (2023b), *Law on Cooperatives No. 17/2023/QH15 (Arts. 11, 39, 62)*, https://vanban.chinhphu.vn/?docid=208365&pageid=27160, accessed 1 April 2026 (in Vietnamese).

[5] National Assembly of the Socialist Republic of Viet Nam (2015b), *Civil Procedure Code No. 92/2015/QH13 (Art. 91(1), Art. 94(1), Art. 95(3), Art. 108)*, https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?docid=183189&pageid=27160, accessed 1 April 2026 (in Vietnamese).

[6] Vietnam Cooperative Alliance (2026a), "Cooperatives enhance capacity and affirm their position through digital transformation", https://vca.org.vn/htx-but-pha-nang-luc-khang-dinh-vi-the-tu-chuyen-doi-so-a33378.html, accessed 1 April 2026 (in Vietnamese).

[7] Vietnam Cooperative Alliance (2026b), "Cooperatives face difficulties in synchronised digital transformation due to the lack of domestic technology", https://vca.org.vn/hop-tac-xa-kho-chuyen-doi-so-dong-bo-vi-thieu-cong-nghe-viet-video33964.html, accessed 1 April 2026 (in Vietnamese).

[8] European Parliament and Council of the European Union (2019), "Regulation (EU) 2019/1150 of 20 June 2019 on Promoting Fairness and Transparency for Business Users of Online Intermediation Services", https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32019R1150, accessed 1 April 2026.

[9] Socialist Republic of Viet Nam Government News (2026), "Official launch of the National Traceability Portal", https://baochinhphu.vn/chinh-thuc-van-hanh-cong-thong-tin-truy-xuat-nguon-goc-quoc-gia-10224101717571906.htm, accessed 1 April 2026 (in Vietnamese).

[10] Ministry of Science and Technology (2026), "Traceability: Building a synchronised management system on a digital platform", https://mst.gov.vn/truy-xuat-nguon-goc-xay-dung-he-thong-quan-ly-dong-bo-tren-nen-tang-so-197260226102509121.htm, accessed 1 April 2026 (in Vietnamese).

[11] Nguoi Lao Dong Newspaper (2026), "Expectations for the 1-million-hectare rice project", https://nld.com.vn/ky-vong-vao-de-an-1-trieu-ha-lua-19624061622072393.htm, accessed 1 April 2026 (in Vietnamese).

[12] European Parliament and Council of the European Union (2014), "Regulation (EU) No. 910/2014 of 23 July 2014 on Electronic Identification and Trust Services for Electronic Transactions in the Internal Market" (Art. 3(10)-(12), Arts. 25-26), https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:32014R0910, accessed 1 April 2026.